BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:04 /2025/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, bao gồm: bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; quy trình thực hiện kiểm định và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục đại học, trường thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo các trình độ giáo dục đại học; các viện hàn lâm và các viện được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi là cơ sở đào tạo);

b) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập, cho phép thành lập và cho phép hoạt động (sau đây gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước);

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Đối với các chương trình đào tạo được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện việc đánh giá, công nhận theo quy định tại Chương III, Chương IV và Chương V của Thông tư này.

4. Trường hợp cơ sở đào tạo lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoạt động tại Việt Nam thì áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo hồ sơ đăng ký hoạt động.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo* là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. *Chất lượng của chương trình đào tạo* là sự đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định liên quan đến ngành, nhóm ngành đào tạo, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là các yêu cầu về nội dung và điều kiện mà chương trình đào tạo phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn có nhiều tiêu chí và có tối thiểu một tiêu chí điều kiện.

4. *Tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

5. *Tiêu chí điều kiện* là tiêu chí có kết quả đánh giá bắt buộc phải ở mức "đạt" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Thông tư này, là điều kiện để chương trình đào tạo/tiêu chuẩn có tiêu chí điều kiện được xem xét đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

6. *Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn, hướng dẫn và kiểm soát toàn bộ nội dung, các

thành phần và các hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo, bao gồm: mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; hoạt động dạy và học; đánh giá kết quả học tập; đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có); đội ngũ nhân lực và các dịch vụ hỗ trợ người học; cơ sở hạ tầng và trang thiết bị; đầu ra và kết quả đầu ra.

7. *Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo* là quá trình cơ sở đào tạo dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, tự xem xét để báo cáo về thực trạng xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong về các vấn đề liên quan thuộc chương trình đào tạo để cơ sở đào tạo làm căn cứ tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

8. *Đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo* là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để xác định mức độ chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

9. *Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo* là hoạt động đánh giá, công nhận mức độ chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

10. *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác. Thông tin được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau để bảo đảm tính chính xác, được sử dụng để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài.

11. *Minh chứng* là các tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, ý kiến của nhân chứng được dẫn ra để xác nhận một hoạt động, sự việc làm căn cứ để xác định mức độ đạt được của tiêu chí.

12. *Đối sánh* là hoạt động đối chiếu và so sánh các yếu tố/hoạt động của một cơ sở đào tạo/một chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo/chương trình đào tạo khác được lựa chọn nhằm cải tiến chất lượng.

13. *Mục tiêu của chương trình đào tạo* là các tuyên bố tổng quát mô tả những gì người tốt nghiệp có thể đạt được một thời gian sau khi tốt nghiệp. Các mục tiêu đào tạo được xây dựng theo nhu cầu của các bên liên quan đối với chương trình đào tạo và được thể hiện chủ yếu ở kết quả học tập của người học (chuẩn đầu ra).

14. *Bản mô tả chương trình đào tạo* là tài liệu được sử dụng cho nhiều mục đích trong các giai đoạn thiết kế, triển khai, phát triển chương trình đào tạo và cung cấp thông tin về chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo. Bản mô tả chương trình đào tạo có các nội dung chính sau: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình đào tạo, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tóm tắt nội dung chính của các

học phần, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập, điều kiện tốt nghiệp ngày tháng ban hành/điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo.

15. *Các bên liên quan của cơ sở đào tạo* gồm có bên liên quan bên trong: người học, giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có), kỹ thuật viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý và các tổ chức, cá nhân liên quan khác của cơ sở đào tạo; bên liên quan bên ngoài: cựu người học, người học tiềm năng, gia đình người học, nhà sử dụng lao động, các hội nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

16. *Chuẩn chương trình đào tạo* của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

17. *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

18. *Triết lý giáo dục* là quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

19. *Cộng đồng* là các đối tượng, đối tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, chính quyền các cấp và các bên liên quan trong phạm vi cơ sở đào tạo triển khai các hoạt động của chương trình đào tạo.

20. *Phục vụ cộng đồng* là các hoạt động của cơ sở đào tạo nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng.

Điều 3. Mục đích sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và sử dụng kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, hướng dẫn và kiểm soát toàn bộ hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo; tự đánh giá, bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thẩm định hồ sơ tự đánh giá; đánh giá ngoài, hướng dẫn hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và cải tiến phương pháp vận hành hệ thống; công nhận hoặc không công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với các chương trình đào tạo; căn cứ bộ tiêu chuẩn này để tổ chức xây dựng các tiêu chí bổ sung, hướng dẫn đánh giá tiêu chí

đối với chương trình đào tạo có hình thức đào tạo khác nhau và chương trình đào tạo ngành chuyên sâu, đặc thù đáp ứng các quy định hiện hành và yêu cầu của các bên liên quan.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có cơ sở để nhận định, đánh giá và tham gia phản biện xã hội đối với chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo mà họ quan tâm.

4. Kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một trong các cơ sở để xác định quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở đào tạo.

Chương II
BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.

2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.

4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

6. Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

Điều 5. Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, được phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.

3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.

5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.

6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Điều 6. Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học

1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.

2. Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.

4. Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

5. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điều 7. Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập

1. Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

4. Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.

7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Điều 8. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.

4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.

7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.

8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

Điều 9. Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học

1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của chương trình đào tạo; được công bố công khai và được cập nhật.

2. Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chuẩn của vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, trong phân

công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

3. Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học (học thuật và phi học thuật) được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

4. Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập.

5. Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học.

6. Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.

Điều 10. Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

1. Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.

3. Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin - truyền thông.

4. Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.

5. Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.

6. Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có).

7. Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

8. Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.

Điều 11. Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra

1. Tiêu chí 8.1: Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

2. Tiêu chí 8.2: Tỉ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.

5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

Chương III

QUY TRÌNH, CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Mục 1

QUY TRÌNH, CHU KỲ, CÁCH ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Quy trình và chu kỳ

1. Quy trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo bốn bước:

a) Tự đánh giá;

b) Đánh giá ngoài;

c) Thẩm định kết quả đánh giá;

d) Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo chu kỳ 05 năm đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Đối với chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện thì tối đa 02 năm (24 tháng) phải tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng để được đánh giá ở mức đạt.

4. Đối với chương trình đào tạo được đánh giá đạt ở chu kỳ trước, nếu tiếp tục được đánh giá ở mức đạt với tỷ lệ tiêu chuẩn, tiêu chí đạt cao hơn chu kỳ trước đồng thời kết quả cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu, cơ bản khắc phục được các điểm yếu đã chỉ ra từ chu kỳ trước thì chu kỳ kiểm định chất lượng tiếp theo là 07 năm.

Điều 13. Cách đánh giá

1. Chương trình đào tạo được tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn và tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tại Chương II của Thông tư này; trong đó các tiêu chí điều kiện bao gồm: Tiêu

chí 1.3 và Tiêu chí 1.6 thuộc Tiêu chuẩn 1; Tiêu chí 2.2 và Tiêu chí 2.4 thuộc Tiêu chuẩn 2; Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chuẩn 3; Tiêu chí 4.5 thuộc Tiêu chuẩn 4; Tiêu chí 5.2 thuộc Tiêu chuẩn 5; Tiêu chí 6.1 thuộc Tiêu chuẩn 6; Tiêu chí 7.3 thuộc Tiêu chuẩn 7; Tiêu chí 8.2 thuộc Tiêu chuẩn 8.

2. Đánh giá tiêu chí theo 02 mức như sau:

a) Đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức đạt khi cơ sở đào tạo có cách tiếp cận chính thức về bảo đảm chất lượng, có hệ thống và triển khai các hoạt động rõ ràng, chặt chẽ, nhất quán với chính sách/quy định/quy trình có liên quan để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; có minh chứng về một số cải tiến thường xuyên.

b) Không đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt khi cơ sở đào tạo không có cách tiếp cận chính thức về bảo đảm chất lượng, không có hệ thống với các chính sách/quy định/quy trình phù hợp có liên quan để đáp ứng tiêu chí; hoặc có các chính sách/quy định/quy trình nhưng không được áp dụng nhất quán/chính thức để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; không có minh chứng về sự cải tiến chất lượng.

Trên cơ sở quy định tại điểm a, điểm b khoản này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quy định chi tiết hơn về các mức đạt, không đạt yêu cầu tiêu chí, đồng thời xây dựng hướng dẫn đánh giá giúp cơ sở đào tạo biết được thực trạng để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

3. Đánh giá tiêu chuẩn theo 02 mức như sau:

a) Đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt khi có không quá 02 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt và các tiêu chí còn lại bao gồm tiêu chí điều kiện được đánh giá ở mức đạt.

b) Không đạt: Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt khi có tiêu chí điều kiện hoặc có trên 02 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt.

4. Đánh giá chương trình đào tạo theo 03 mức như sau:

a) Đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt khi tất cả tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt.

b) Đạt có điều kiện: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức đạt có điều kiện khi có không quá 02 tiêu chuẩn và 16 tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt. Để có kết quả đánh giá ở mức đạt, cơ sở đào tạo cần cải tiến chất lượng trong thời gian tối đa 24 tháng kể từ ngày chương trình đào tạo được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện.

c) Không đạt: Chương trình đào tạo được đánh giá ở mức không đạt khi không đáp ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

Mục 2

TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 14. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo

các bước sau đây:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá (Biểu 01).

2. Lập kế hoạch tự đánh giá (Biểu 02).

3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (Biểu 3).

4. Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí (Biểu 04).

5. Viết báo cáo tự đánh giá (Biểu 05 và Biểu 12).

6. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 15. Hội đồng tự đánh giá

1. Hội đồng tự đánh giá có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 9 thành viên, do Hiệu trưởng hoặc Giám đốc cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) quyết định thành lập cho từng chương trình đào tạo.

2. Thành phần hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng cơ sở đào tạo; các phó chủ tịch là một Phó hiệu trưởng và Trưởng đơn vị chuyên môn có chương trình đào tạo được đánh giá, trong đó có một phó chủ tịch kiêm trưởng ban thư ký; các thành viên khác gồm: đại diện hội đồng trường là người của cơ sở đào tạo, đại diện hội đồng khoa học và đào tạo; lãnh đạo các đơn vị chuyên môn và đơn vị quản lý có liên quan; giảng viên có kinh nghiệm tham gia tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng thuộc chương trình đào tạo được đánh giá; đại diện người học của chương trình đào tạo được đánh giá;

b) Hội đồng tự đánh giá có ban thư ký giúp việc, bao gồm người của đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng giáo dục, lãnh đạo đơn vị và các giảng viên của chương trình đào tạo được đánh giá và người của các đơn vị liên quan khác; trưởng ban thư ký là phó chủ tịch hội đồng;

c) Các công việc cụ thể của hội đồng tự đánh giá được phân công cho các nhóm công tác chuyên trách gồm các thành viên của hội đồng tự đánh giá và ban thư ký. Mỗi nhóm công tác chuyên trách có ít nhất 03 người, phụ trách một đến hai tiêu chuẩn và do một thành viên của hội đồng tự đánh giá (không phải là đại diện người học) phụ trách.

3. Hội đồng tự đánh giá có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư này. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất.

4. Nhiệm vụ của hội đồng tự đánh giá:

a) Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá; giới thiệu quy trình tự đánh giá; nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm tự đánh giá chương trình đào tạo và yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan phối hợp thực hiện;

b) Tổ chức triển khai các bước theo quy trình tự đánh giá.

5. Nhiệm vụ của các thành viên hội đồng tự đánh giá:

a) Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của hội đồng và kết quả tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá kết quả đạt được của từng tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá và phê duyệt báo cáo tự đánh giá;

b) Phó chủ tịch hội đồng thực hiện các nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng phân công; khi được chủ tịch hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền;

c) Các thành viên khác của hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do chủ tịch hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.

6. Các thành viên của hội đồng phải được tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá chương trình đào tạo về các nội dung: hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo; kinh nghiệm tự đánh giá chương trình đào tạo ở trong và ngoài nước; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, điều tra và viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 16. Lập kế hoạch tự đánh giá

1. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt và trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được giao phụ trách ký ban hành kế hoạch tự đánh giá.

2. Kế hoạch tự đánh giá phải thể hiện được các nội dung sau:

a) Mục đích; phạm vi của đợt tự đánh giá bao gồm thông tin về kết quả tự đánh giá việc đáp ứng quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo;

b) Thành phần hội đồng tự đánh giá;

c) Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên hội đồng tự đánh giá;

d) Công cụ tự đánh giá;

đ) Dự kiến các nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và thời điểm cần huy động các nguồn lực trong quá trình triển khai tự đánh giá;

e) Thời gian biểu: chỉ rõ khoảng thời gian cần thiết để triển khai và lịch trình thực hiện các hoạt động cụ thể trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Điều 17. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

1. Thông tin, minh chứng có thể được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của cơ sở đào tạo, đơn vị chuyên môn có chương trình đào tạo được đánh giá, và các đơn vị có liên quan; từ kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động

của cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo. Minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác.

2. Thông tin, minh chứng thu được sử dụng cho mục đích đánh giá các mức đạt của từng tiêu chí nhằm mục đích mô tả hiện trạng các hoạt động của chương trình đào tạo.

3. Các minh chứng đưa vào báo cáo tự đánh giá phải được mã hóa, số hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra, cập nhật, lưu trữ và đối chiếu khi cần thiết.

4. Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 18. Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí

1. Việc tự đánh giá các mức đạt theo từng tiêu chí thực hiện thông qua phiếu đánh giá tiêu chí, gồm các nội dung: Mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động và tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí.

2. Phiếu tự đánh giá tiêu chí do cá nhân hoặc nhóm công tác viết và phải được lấy ý kiến của hội đồng tự đánh giá. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo một phiếu tự đánh giá tiêu chí.

Điều 19. Viết báo cáo tự đánh giá

1. Báo cáo tự đánh giá được trình bày cô đọng, rõ ràng, chính xác, khách quan, đầy đủ nội dung của các tiêu chí theo từng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ cơ sở đào tạo để các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học và các cá nhân liên quan khác có thể đọc và góp ý kiến trong thời gian ít nhất 10 ngày làm việc.

3. Báo cáo tự đánh giá được hội đồng tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 2 của Điều này, Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt và trình Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được giao phụ trách ký ban hành báo cáo tự đánh giá.

Điều 20. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở đào tạo lưu trữ báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ liên quan, bao gồm:

a) Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá;

b) Kế hoạch tự đánh giá;

c) Báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt;

d) Các minh chứng;

đ) Các văn bản, tài liệu liên quan.

2. Thời hạn lưu trữ báo cáo tự đánh giá cùng toàn bộ hồ sơ liên quan theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định hiện hành.

3. Báo cáo tự đánh giá được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo để các tổ chức, cá nhân quan tâm tham khảo. Đối với báo cáo tự đánh giá có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin không được công khai theo quy định của pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở đào tạo thực hiện các việc sau:

a) Gửi văn bản và báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để được giám sát, hỗ trợ trong việc thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo các kế hoạch hành động đã nêu trong báo cáo tự đánh giá;

b) Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng một cách phù hợp;

c) Trừ các báo cáo tự đánh giá có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, các cơ sở đào tạo phải cập nhật báo cáo tự đánh giá trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo; lưu trữ tại cơ sở đào tạo và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cập nhật danh sách các chương trình đào tạo đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và gửi thông báo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để theo dõi chung.

Mục 3
ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 22. Đăng ký đánh giá ngoài

1. Cơ sở đào tạo thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài chương trình đào tạo với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động sau khi đã công bố báo cáo tự đánh giá đã được Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng ký ban hành trong nội bộ cơ sở đào tạo ít nhất 20 ngày làm việc. Đối với chương trình đào tạo có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật thì cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để báo cáo việc đăng ký đánh giá ngoài.

2. Căn cứ thời hạn được ghi trên giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp cho chương trình đào tạo; các quy định pháp luật khác về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở đào tạo có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài để được xem xét, công

nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đối với các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng sau khi thực hiện tự đánh giá, cơ sở đào tạo gửi hồ sơ báo cáo tự đánh giá đến cơ quan quản lý trực tiếp và báo cáo về việc đăng ký đánh giá ngoài.

Điều 23. Thẩm định hồ sơ báo cáo tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài

1. Trên cơ sở hợp đồng đã ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan đến tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định. Theo đề nghị của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức thẩm định hồ sơ báo cáo tự đánh giá. Đối với các chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ sở đào tạo gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để tổ chức thẩm định trước khi đăng ký đánh giá ngoài.

2. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định báo cáo tự đánh giá (Biểu 06), trả kết quả thẩm định cho cơ sở đào tạo theo một trong các mức độ như sau:

a) Báo cáo tự đánh giá không đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung, cơ sở đào tạo cần tiếp tục hoàn thiện;

b) Báo cáo tự đánh giá cơ bản đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức, cơ sở đào tạo hoàn thiện trước khi triển khai đánh giá ngoài;

c) Báo cáo tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu và có thể triển khai đánh giá ngoài.

3. Trong trường hợp hồ sơ tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu, cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục triển khai đánh giá ngoài.

4. Việc ký hợp đồng thẩm định hồ sơ tự đánh giá và đánh giá ngoài giữa cơ sở đào tạo và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành lập đoàn đánh giá ngoài

1. Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài bảo đảm các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài không có xung đột về lợi ích với cơ sở đào tạo. Đối với cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, danh sách thành viên đoàn đánh giá ngoài do cơ quan quản lý trực tiếp giới thiệu.

2. Số lượng, thành phần đoàn đánh giá ngoài: Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo có ít nhất 03 thành viên; trường hợp đánh giá từ 02, 03, 04 đến 05 hoặc 06 chương trình đào tạo, phải tăng thêm tối thiểu số thành viên trong đoàn từ 02, 04, 06 đến 08 thành viên và bảo đảm mỗi đoàn không đánh giá nhiều hơn 06 chương trình đào tạo. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài là kiểm định viên chất lượng giáo dục đại học, bao gồm:

a) Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có) là người đã hoặc đang là lãnh đạo cấp khoa hoặc giữ các chức vụ khác tương đương trở lên, có kinh nghiệm trong việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

b) Thư ký của đoàn đánh giá ngoài là kiểm định viên cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, có kinh nghiệm triển khai các hoạt động đánh giá ngoài;

c) Các thành viên còn lại là người của các cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc nhà tuyển dụng lao động, có khả năng nhận xét, đánh giá, tư vấn cho chương trình đào tạo được đánh giá;

d) Đoàn đánh giá ngoài mỗi chương trình đào tạo bảo đảm có ít nhất 01 thành viên là người có chuyên môn cùng ngành hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo được đánh giá. Việc lựa chọn thành viên khác do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định và chịu trách nhiệm trên cơ sở thực trạng đội ngũ kiểm định viên của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài

1. Trưởng đoàn:

a) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài (Biểu 07) và trình giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài; phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn đánh giá ngoài;

c) Thay mặt đoàn đánh giá ngoài thông báo và thảo luận với cơ sở đào tạo về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài đối với cơ sở đào tạo;

d) Chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở đào tạo và báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài;

đ) Tổ chức việc tập hợp hồ sơ, tài liệu, minh chứng liên quan đến hoạt động và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài và chuyển cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để lưu trữ sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài;

e) Tổ chức việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo yêu cầu của công tác đánh giá ngoài.

2. Phó trưởng đoàn (nếu có)

a) Thay mặt trưởng đoàn giải quyết công việc và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài khi được ủy quyền;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn;

3. Thư ký:

a) Giúp trưởng đoàn trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài;

b) Kiểm tra việc sử dụng các văn bản, biểu mẫu trong quá trình đánh giá ngoài theo đúng quy định;

c) Ghi biên bản các cuộc họp đoàn; phối hợp với trưởng đoàn chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài (nếu có) và thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn.

4. Các thành viên khác: Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn; chịu trách nhiệm và được bảo lưu ý kiến về nội dung được phân công phụ trách; phối hợp với trưởng đoàn và thư ký giải trình theo yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn về nội dung đánh giá có liên quan.

Điều 26. Giám sát viên, thực tập viên

1. Giám sát viên là lãnh đạo hoặc cán bộ cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ủy quyền thực hiện nhiệm vụ giám sát đoàn đánh giá ngoài để bảo đảm hoạt động đánh giá ngoài đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; người được ủy quyền có trách nhiệm kịp thời phản ánh với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về hoạt động của đoàn đánh giá ngoài. Giám sát viên được tham gia tất cả các hoạt động của quá trình đánh giá ngoài nhưng không được can thiệp về chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá ngoài và tuân thủ quy định bảo mật thông tin của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Thực tập viên là người đang tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp thẻ kiểm định viên, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở đào tạo bố trí cho quan sát, thực tập hoạt động đánh giá ngoài. Thực tập viên được dự các phiên làm việc của đoàn đánh giá ngoài nhưng không được can thiệp về chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá ngoài; phải cam kết tuân thủ và chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về bảo mật thông tin của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 27. Nguyên tắc làm việc của đoàn đánh giá ngoài

1. Đoàn đánh giá ngoài làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Đối với những nội dung về chuyên môn không đạt được sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài, trưởng đoàn có trách nhiệm tổ chức họp đoàn để thảo luận trực tiếp và đưa ra quyết định cuối cùng. Các cuộc

họp này đều được ghi nhận bằng biên bản, lưu trong hồ sơ của đoàn đánh giá ngoài.

3. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài, giám sát viên và thực tập viên cần tuân thủ các nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục; có văn bản cam kết hoặc thỏa thuận với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến hoạt động đánh giá ngoài; tôn trọng các đối tượng phỏng vấn, cơ sở đào tạo và các thành viên khác trong đoàn.

Điều 28. Trình tự đánh giá ngoài

1. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá

a) Đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan đến chương trình đào tạo được đánh giá do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi đến; thu thập, phân tích, xử lý các thông tin, minh chứng liên quan đến các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

b) Các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài thảo luận để thống nhất các nội dung: Về hình thức, cấu trúc và nội dung của báo cáo tự đánh giá; những tiêu chí chưa đánh giá, đánh giá chưa đúng hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ; danh sách những tiêu chí cần kiểm tra, thẩm định lại hoặc bổ sung thông tin và minh chứng; danh mục những tư liệu, tài liệu cần được kiểm tra hoặc những tư liệu, tài liệu cần được bổ sung; dự kiến đối tượng và nội dung cần phỏng vấn; dự kiến địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động cần khảo sát; dự kiến những tình huống có thể phát sinh;

c) Hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ; dự thảo phải được lấy ý kiến của các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài và được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua.

2. Khảo sát sơ bộ

a) Thời gian làm việc 01 ngày, hình thức làm việc trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Thành phần: Trưởng đoàn, thư ký và đại diện thành viên đoàn đánh giá ngoài (nếu cần thiết); hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo và đại diện tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Nội dung: Thông báo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; hướng dẫn, yêu cầu cơ sở đào tạo chuẩn bị cho khảo sát chính thức và các vấn đề khác (nếu có); thống nhất thời gian khảo sát chính thức của đoàn; thông qua biên bản khảo sát sơ bộ;

d) Sau buổi làm việc, các bên ký biên bản khảo sát sơ bộ (Biểu 08).

3. Khảo sát chính thức tại cơ sở đào tạo

a) Thời gian làm việc trực tiếp: từ 03 đến 05 ngày.

b) Các hoạt động chính của đoàn đánh giá ngoài: Nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu do cơ sở đào tạo cung cấp; tham quan, khảo sát, phỏng vấn, quan sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa và thảo luận tại cơ sở đào tạo; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức; thảo luận về dự thảo báo cáo kết quả khảo sát

chính thức, báo cáo phải được ít nhất 2/3 số thành viên của đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua; trước khi kết thúc đợt khảo sát, đoàn đánh giá ngoài làm việc với hội đồng tự đánh giá để thông báo những công việc đã thực hiện và các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời các bên ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức (Biểu 09);

c) Tùy thuộc vào bối cảnh và thực tế, đoàn đánh giá ngoài có thể kết hợp phỏng vấn trực tiếp với phỏng vấn trực tuyến; đối tượng phỏng vấn là cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở đào tạo, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, người học đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động liên quan đến chương trình đào tạo; đối tượng phỏng vấn phải bảo đảm đủ cơ cấu về độ tuổi, thâm niên công tác, giới tính, có sự phân bố hợp lý và mang tính đại diện các bên liên quan. Nội dung phỏng vấn được ghi lại bằng văn bản và lưu tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (Biểu 10 và Biểu 12)

a) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài viết báo cáo theo những tiêu chí được phân công và gửi cho trưởng đoàn và thư ký để tổng hợp (Biểu 11); trưởng đoàn và thư ký tập hợp, biên tập, hoàn thiện dự thảo báo cáo đánh giá ngoài và gửi lại cho các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài để lấy ý kiến góp ý (nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài phải được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn nhất trí thông qua). Trường hợp không nhận được sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn, thì trưởng đoàn đánh giá ngoài phải họp đoàn để thảo luận lần cuối và trưởng đoàn có trách nhiệm đưa ra quyết định cuối cùng. Các cuộc họp này đều được ghi nhận bằng biên bản, lưu trong hồ sơ của đoàn đánh giá ngoài.

b) Đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở đào tạo để tham khảo ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài.

5. Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi công văn cho đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở đào tạo phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở đào tạo không có ý kiến trả lời thì xem như cơ sở đào tạo đồng ý với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở đào tạo hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở đào tạo trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo biết những ý kiến

đã được tiếp thu hoặc bảo lưu (nếu có). Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

c) Đoàn đánh giá ngoài hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và nộp báo cáo đánh giá ngoài cùng các hồ sơ liên quan cho giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi báo cáo đánh giá ngoài chính thức cho cơ sở đào tạo;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận báo cáo đánh giá ngoài, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật thông tin vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học;

đ) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài và cá nhân có liên quan (giám sát viên, thực tập viên, chuyên viên hỗ trợ đoàn) không được tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài khi chưa được phép của trưởng đoàn đánh giá ngoài, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 29. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, dữ liệu liên quan đến hoạt động của chương trình đào tạo, các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác đánh giá ngoài.

2. Phân công một lãnh đạo của cơ sở đào tạo, một lãnh đạo đơn vị chuyên môn có chương trình đào tạo được đánh giá và một cán bộ chuyên trách làm đầu mối làm việc với đoàn đánh giá ngoài.

3. Hợp tác, trao đổi, thảo luận với đoàn đánh giá ngoài về kết quả nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và kết quả khảo sát của đoàn tại cơ sở đào tạo.

4. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 28 và các quy định khác có liên quan tại Thông tư này.

5. Sau khi cơ sở đào tạo thống nhất với kết quả đánh giá ngoài, trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được công văn kèm theo báo cáo đánh giá ngoài chính thức từ tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ sở đào tạo gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục văn bản đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và ký hợp đồng thẩm định kết quả đánh giá và xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo.

Mục 4
THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 30. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục

1. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục, đề nghị giám đốc tổ chức kiểm định chất

lượng giáo dục công nhận hoặc không công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Hội đồng được sử dụng con dấu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhân sự của hội đồng để đáp ứng theo yêu cầu và quy định.

2. Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 09 thành viên, trong đó có không quá 50% số người trong hội đồng là thành viên cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; trong các trường hợp cụ thể theo quy định liên quan, lãnh đạo của tổ chức kiểm định không được tham gia là chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng thì giám đốc trung tâm giao cho người là kiểm định viên và đã làm trưởng đoàn của ít nhất 10 đoàn đánh giá ngoài hoặc đã là lãnh đạo cấp cơ sở đào tạo hoặc tương đương trở lên;

b) Ủy viên hội đồng là người đã hoặc đang là lãnh đạo cơ sở đào tạo hoặc tương đương trở lên, lãnh đạo của đơn vị sử dụng lao động (nếu có), kiểm định viên đã làm trưởng đoàn hoặc thư ký đã tham gia ít nhất 05 đoàn đánh giá ngoài; các ủy viên của hội đồng là kiểm định viên;

c) Hội đồng có tổ thư ký giúp việc, được thành lập theo quyết định của giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo đề nghị của chủ tịch hội đồng, trong đó tổ trưởng tổ thư ký là 01 thành viên của hội đồng;

d) Trường hợp thẩm định kết quả đánh giá các chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, thành phần của hội đồng được giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

đ) Trưởng đoàn đánh giá ngoài của chương trình đào tạo không được tham gia hội đồng với vai trò chủ tịch, thư ký và không được bỏ phiếu cho chương trình đào tạo đó.

4. Phương thức làm việc của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số để quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ của hội đồng. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thể mời thêm chuyên gia về lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục tham dự phiên họp của hội đồng; trong trường hợp này, thành viên được mời dự họp được tham gia các ý kiến trao đổi thảo luận về chuyên môn nhưng không được tham gia biểu quyết;

b) Hội đồng họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) toàn thể các thành viên ít nhất mỗi năm một lần để thảo luận về các vấn đề chuyên môn bao gồm các xu hướng về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; đưa ra các khuyến nghị chính sách, cải tiến chất lượng đối với tổ chức kiểm định, cơ quan quản lý nhà nước

(nếu có); họp thẩm định hồ sơ đánh giá ngoài theo triệu tập của chủ tịch hội đồng; mỗi buổi họp không thẩm định quá hồ sơ của 03 đoàn đánh giá ngoài;

c) Ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên trong hội đồng và thành viên được mời (nếu có) nhận được hồ sơ thẩm định để nghiên cứu trước;

d) Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, mỗi thành viên trong hội đồng gửi văn bản nhận xét về hồ sơ thẩm định cho chủ tịch hội đồng (Biểu 13);

đ) Ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, thư ký hội đồng gửi dự thảo nghị quyết thẩm định đánh giá kết quả chương trình đào tạo cho các thành viên trong hội đồng để nghiên cứu trước khi trao đổi, thảo luận tại cuộc họp;

e) Hội đồng căn cứ vào hồ sơ thẩm định, xem xét, biểu quyết về việc công nhận, không công nhận kết quả đánh giá ngoài chương trình đào tạo hoặc thay đổi kết quả đánh giá ngoài với những tiêu chí, tiêu chuẩn có kết quả đánh giá chưa bảo đảm theo yêu cầu của các tiêu chí, tiêu chuẩn;

g) Nghị quyết của hội đồng (Biểu 14) chỉ có giá trị khi được ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng nhất trí thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín; biên bản họp hội đồng được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng;

5. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo.

Điều 31. Thời hạn và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Trường hợp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục họp trực tuyến thì tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật công nghệ thông tin; tiến trình cuộc họp được ghi âm đầy đủ để lưu trữ cùng hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá.

2. Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục gồm có:

a) Báo cáo tự đánh giá;

b) Báo cáo đánh giá ngoài;

c) Văn bản của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài cho cơ sở đào tạo;

d) Văn bản phản hồi của cơ sở đào tạo về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài;

đ) Văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để gửi cơ sở đào tạo về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến;

e) Văn bản của cơ sở đào tạo đề nghị xem xét công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tổ thư ký giúp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục lập kế hoạch thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, chuẩn bị hồ sơ thẩm định, gửi hồ sơ thẩm định cho các thành viên hội đồng.

Điều 32. Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Họp toàn thể hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì để thực hiện các công việc sau:

a) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo của đại diện cơ sở đào tạo và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

b) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá ngoài chương trình đào tạo của đại diện đoàn đánh giá ngoài và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

c) Thảo luận về các nội dung: Kết quả tự đánh giá; kết quả đánh giá ngoài; việc điều chỉnh kết quả đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn (nếu có); dự thảo nghị quyết của hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trong đó có các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo được đánh giá khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

d) Hội đồng bỏ phiếu kín để thông qua nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Trường hợp hội đồng họp trực tuyến, các thành viên của hội đồng thực hiện biểu quyết theo hình thức phù hợp, bảo đảm yêu cầu phiếu kín và được lưu trữ theo quy định.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm gửi cho cơ sở đào tạo đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghị quyết thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, kèm theo các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở đào tạo khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo được đánh giá.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở đào tạo có văn bản phản hồi gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo một trong ba trường hợp sau:

a) Nhất trí với nội dung của nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

b) Nhất trí với nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, cơ sở đào tạo có kế hoạch khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

c) Không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét lại.

4. Đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Sau 15 ngày công bố, nếu không có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cho cơ sở đào tạo; nếu có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục rà soát lại toàn bộ quy trình và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chương trình đào tạo trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm giải trình;

c) Đối với các chương trình đào tạo cần bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước thì cơ sở đào tạo gửi kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng để báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp ít nhất 15 ngày làm việc trước khi được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét công nhận.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có kế hoạch xem xét lại nội dung nghị quyết của hội đồng trong phiên họp gần nhất theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5

CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 33. Điều kiện và việc công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Căn cứ nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét, công nhận mức đạt tiêu chuẩn chất lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đã có ít nhất một khóa người học tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá;

b) Đã được đánh giá ngoài và có văn bản của cơ sở đào tạo đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo;

c) Kết quả đánh giá chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư này.

2. Việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

a) Chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

b) Chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và đáp ứng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện và cấp giấy chứng nhận, có giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp;

c) Đối với chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu tại khoản 4, Điều 12 của Thông tư này, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, có giá trị trong thời hạn 07 năm kể từ ngày cấp;

d) Trong thời gian không quá 24 tháng kể từ ngày chương trình đào tạo được công nhận đạt có điều kiện, cơ sở đào tạo tiến hành cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đồng thời đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Thông tư này có thể gửi công văn đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện xem xét đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Mục 6 của Chương này;

đ) Trong thời gian tối thiểu 09 tháng trước khi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo hết hạn, cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo chu kỳ tiếp theo, trong đó làm rõ các cải tiến chất lượng so với chu kỳ liền trước đó và đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để kiểm định chu kỳ tiếp theo.

Điều 34. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Căn cứ đề nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt hoặc đạt có điều kiện và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo đạt hoặc đạt có điều kiện.

2. Giấy chứng nhận phải ghi rõ số tiêu chuẩn đạt; số tiêu chí, tiêu chí điều kiện đạt yêu cầu và tỉ lệ phần trăm số tiêu chí, tiêu chí điều kiện đạt yêu cầu.

3. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thiết kế và in ấn. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi mẫu giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) trước khi sử dụng.

Điều 35. Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo còn thời hạn giá trị bị thu hồi nếu có vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Việc công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo khi chương trình đào tạo không đáp ứng đủ các điều kiện tại Điều 34 của Thông tư này;

b) Chương trình đào tạo trong giai đoạn được đánh giá không đáp ứng yêu cầu duy trì điều kiện bảo đảm chất lượng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với các chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định có dấu hiệu vi phạm quy định khoản 1 Điều này:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định chương trình đào tạo hoặc Đoàn kiểm tra việc duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo.

b) Việc thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định chất lượng kiểm định chương trình đào tạo được thực hiện như sau:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định chương trình đào tạo. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng; Uỷ viên thư ký là công chức của Cục Quản lý chất lượng; Uỷ viên khác là đại diện của các đơn vị liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu cần), chuyên gia là kiểm định viên có kinh nghiệm và có uy tín;

- Nhiệm vụ của Hội đồng: thẩm định hồ sơ đánh giá ngoài, hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và việc công nhận, cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

- Hội đồng hoạt động thông qua hình thức tự nghiên cứu hồ sơ và họp thẩm định. Kết quả thẩm định chỉ được thông qua trong phiên họp khi có trên 50% số phiếu của thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có phải có phiếu của thành viên Hội đồng là chuyên gia, nhất trí theo 1 trong 2 mức: kết quả thẩm định chất lượng kiểm định cho thấy hồ sơ không có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kết quả thẩm định chất lượng kiểm định cho thấy có vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

- Trường hợp kết quả thẩm định chất lượng kiểm định thể hiện trong hồ sơ không đạt yêu cầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức họp giữa đại diện Hội đồng thẩm định với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đại diện đoàn đánh giá ngoài. Kết quả cuộc họp đối thoại được ghi thành biên bản và là căn cứ để kết luận. Trường hợp cuộc họp không thống nhất được kết quả thẩm định chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, Hội đồng thẩm định có văn bản, kèm theo hồ sơ liên quan báo cáo và đề xuất (thông qua Cục Quản lý chất lượng) lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

c) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, các cơ sở đào tạo có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ liên quan và tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra việc duy trì điều kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo và để Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản yêu cầu giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo kèm theo các tài liệu liên quan;

b) Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm xem xét căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Điều 36. Thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo. Duy trì và phát huy kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đã được công nhận trong thời hạn có giá trị của giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2. Hằng năm, cơ sở đào tạo triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo các kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp về kết quả cải tiến chất lượng và việc khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá ngoài.

3. Sau khi chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cơ sở đào tạo thực hiện việc tự đánh giá giữa chu kỳ, tập trung đánh giá kết quả thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; gửi báo cáo đánh giá giữa chu kỳ (Biểu 15) về Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

4. Cơ sở đào tạo thực hiện đánh giá chu kỳ tiếp theo, theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

Điều 37. Hồ sơ lưu trữ về hoạt động đánh giá, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục lưu trữ hồ sơ về hoạt động đánh giá, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng; thời hạn bảo

quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định hiện hành.

2. Hồ sơ lưu trữ gồm:

a) Các hợp đồng giữa tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục với cơ sở đào tạo để thực hiện việc thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

b) Các văn bản về hoạt động thẩm định báo cáo tự đánh giá: Kết quả thẩm định báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo của tổ chức kiểm định chất lượng; hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo được hoàn thiện sau thẩm định của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

c) Các văn bản về hoạt động đánh giá ngoài: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài; kế hoạch đánh giá ngoài; báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của đoàn đánh giá ngoài; biên bản khảo sát sơ bộ; kết quả nghiên cứu sâu các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công của từng thành viên đoàn đánh giá ngoài; báo cáo kết quả khảo sát chính thức của đoàn đánh giá ngoài; biên bản khảo sát chính thức; văn bản của cơ sở đào tạo về nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (nếu có); văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi cơ sở đào tạo về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến (nếu có); báo cáo đánh giá ngoài.

d) Văn bản về hoạt động thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo: Kế hoạch họp hội đồng; hồ sơ thẩm định; nhận xét về hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của từng thành viên hội đồng; biên bản họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; báo cáo đánh giá ngoài hoàn thiện sau thẩm định (nếu có); quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Mục 6
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ MỨC ĐẠT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 38. Tự đánh giá và đề nghị đánh giá lại

1. Trong thời gian không quá 24 tháng kể từ ngày chương trình đào tạo được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện, cơ sở đào tạo thực hiện các việc:

a) Cải tiến chất lượng, tự đánh giá những tiêu chí, tiêu chuẩn có mức đánh giá chưa đạt sau khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Nếu kết quả sau tự đánh giá đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Thông tư này thì cơ sở đào tạo đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã đánh giá thực hiện việc đánh giá lại đối với các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu. Trường hợp hết thời hạn 24 tháng sau khi được công nhận ở mức đạt có điều kiện, chương trình đào tạo vẫn không đáp ứng quy định tại điểm a

khoản 4 Điều 13 của Thông tư này thì giấy chứng nhận hết hiệu lực và chương trình đào tạo sẽ phải thực hiện việc kiểm định lại từ đầu theo quy trình kiểm định chất lượng giáo dục;

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá lại gồm có công văn của cơ sở đào tạo gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã đánh giá đề nghị đánh giá lại kèm theo báo cáo tự đánh giá có cập nhật nội dung, kết quả đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt trên báo cáo tự đánh giá trước đó đã gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 39. Đánh giá lại, thẩm định kết quả đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Đánh giá lại:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thành lập đoàn đánh giá lại có ít nhất 03 thành viên gồm trưởng đoàn thư ký và thành viên đoàn; trong đó có ít nhất 01 người là thành viên của đoàn đánh giá trước, ưu tiên lựa chọn thành viên đã trực tiếp thực hiện đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu để tham gia đoàn đánh giá lại. Đoàn đánh giá lại nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến tiêu chí đánh giá do cơ sở đào tạo cung cấp; sau đó thực hiện việc khảo sát chính thức tại cơ sở đào tạo trong thời gian không quá 02 ngày với các hoạt động: nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến tiêu chí đánh giá; thực hiện khảo sát, phỏng vấn, quan sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa (nếu cần) tại cơ sở đào tạo; hoàn thiện các phiếu đánh giá tiêu chí; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức. Trước khi kết thúc đợt khảo sát, các thành viên đoàn đánh giá lại làm việc với hội đồng tự đánh giá để thông báo những công việc đã thực hiện và các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời hai bên ký biên bản khảo sát chính thức;

b) Đoàn đánh giá lại thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn cho cơ sở đào tạo để tham khảo ý kiến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo nhận được dự thảo báo cáo;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi công văn cho đoàn đánh giá lại qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở đào tạo phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở đào tạo không có ý kiến trả lời thì xem như cơ sở đào tạo đồng ý với dự thảo báo cáo đánh giá lại;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở đào tạo hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở đào tạo trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá lại, đoàn đánh giá lại thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở đào tạo biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

đ) Đoàn đánh giá lại hoàn thiện báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn và nộp về tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật vào báo cáo đánh giá ngoài trước đó và chính thức gửi báo cáo đánh giá lại cho cơ sở đào tạo.

2. Thẩm định kết quả đánh giá lại:

a) Sau khi được đánh giá lại, nếu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 của Thông tư này, cơ sở đào tạo sẽ được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Việc thẩm định kết quả đánh giá thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Thông tư này.

3. Công nhận và cấp giấy chứng nhận:

a) Việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III của Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục được cấp sau đánh giá lại, hết giá trị vào thời điểm 05 năm từ ngày chương trình đào tạo được cấp giấy chứng nhận đạt có điều kiện và thay thế Giấy chứng nhận đạt có điều kiện đã cấp.

c) Chương trình đào tạo có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng được cấp sau đánh giá lại thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 36 của Thông tư này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Cục Quản lý chất lượng

1. Công khai danh sách các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài, các chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức triển khai, bảo đảm việc thực hiện thống nhất các quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan theo quy định.

Điều 41. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin

1. Tổ chức việc khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS), chia sẻ, cung cấp thông tin về bảo đảm và kiểm định chất lượng trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo đề nghị của các bên liên quan.

2. Chủ trì/phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc nâng cấp phần mềm HEMIS theo yêu cầu của công tác quản lý.

Điều 42. Cơ sở đào tạo

1. Lập kế hoạch cho các chương trình đào tạo tạo theo các tiêu chuẩn chất lượng, theo từng giai đoạn.

2. Cập nhật thông tin về kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, kế hoạch cải tiến chất lượng, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi được cấp (không áp dụng đối với các cơ sở đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

4. Hằng năm, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá và chịu trách nhiệm về việc chương trình đào tạo đáp ứng các quy định của chuẩn chương trình đào tạo và các điều kiện về duy trì ngành đào tạo theo quy định hiện hành trước khi đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

7. Thực hiện các quy định khác có liên quan theo quy định pháp luật.

Điều 43. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai các thông tin, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

2. Cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai báo cáo đánh giá ngoài, nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ít nhất 15 ngày trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (không áp dụng đối với các cơ sở đào tạo cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

3. Cập nhật vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi cấp. Công khai danh sách các chương trình đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Hằng tháng, cập nhật hoạt động và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục vào phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

5. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ kiểm định viên cơ hữu và kiểm định viên cộng tác.

6. Công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về cách tính và mức kinh phí cho các hoạt động: thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng.

7. Căn cứ nội dung quy định của Thông tư này, phát triển các tài liệu, sổ tay nghiệp vụ chuyên môn dành cho kiểm định viên để triển khai thống nhất. Trong trường hợp bổ sung các tiêu chí và hướng dẫn mới liên quan đến việc thực hiện tiêu chuẩn kiểm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cục Quản lý chất lượng trước khi ban hành.

8. Sau khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định có trách nhiệm theo dõi, phản hồi báo cáo cải tiến chất lượng của cơ sở đào tạo.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

10. Thực hiện các quy định khác có liên quan theo quy định pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Quy định chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và kết thúc quy trình kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại

học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học; Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng (nội dung liên quan đến trình độ đại học); Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học và Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học.

Điều 46. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở đào tạo khác được phép hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Người đứng đầu cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm; Giám đốc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 46;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hoàng Minh Sơn